TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH TH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 7 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH TH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoành

2. Ông Lưu Minh Sửu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Th Hóa tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đồng Bá D, sinh năm 1981, cư trú tại: Xóm 2 Tr, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982, nơi ĐKHKTT: Khu 3 thị trấn T, huyện T, tỉnh Th Hóa; hiện cư trú tại: Thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh Th Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đồng Bá D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th qua tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện An D, thành phố Hải Phòng vào ngày 14/9/2018. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng

hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó từ khoảng tháng 02/2019 đến nay, tình cảm vợ chồng luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do mâu thuẫn về cách sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, sau đó trong quá trình xung đột chị Th xúc phạm anh và đe dọa anh. Không thể chịu đựng được, nên anh chị đã ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay và không còn qua lại với nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh D xác định vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh D xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 31/01/2020 bị đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th xác nhận việc vợ chồng kết hôn là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện An D, thành phố Hải Phòng vào ngày 14/9/2018. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 1 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D hay đi với gái và về là đánh đập chị. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm, liên hệ với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng chị không muốn ly hôn.

Về con chung: Chị Th xác định vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị Th xác định vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: Xử cho anh Đồng Bá D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th. Về con chung: Không xem xét. Về tài sản và công nợ: Không xem xét. Về án phí: Buộc anh Đồng Bá D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đồng Bá D khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th, nơi ĐKHKTT: Khu 3 thị trấn T, huyện T, tỉnh Th Hóa; hiện cư trú tại: Thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh Th Hóa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đồng Bá D và chị Nguyễn Thị Th tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện An D, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/9/2018, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị Th là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chỉ thực sự hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 1 năm thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, không tin tưởng và xúc phạm nhau. Đến khoảng tháng 9 năm 2019 mâu thuẫn trở nên trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân đến nay không còn quan tâm, qua lại với nhau. Qúa trình giải quyết vụ án, anh D một mực đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn; còn chị Th có ý kiến thừa nhận là tình cảm vợ chồng không còn, nhưng chị không muốn ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án từ sau buổi làm việc tại Tòa án ngày 31/01/2020 chị Th không đến Tòa án làm việc, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, điều đó thể hiện chị Th không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân đã không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của anh D, xử cho anh Đồng Bá D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th.

[3] Về con chung: Anh Đồng Bá D và chị Nguyễn Thị Th đều xác định vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Anh Đồng Bá D và chị Nguyễn Thị Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Đồng Bá D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Đồng Bá D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Đồng Bá D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh D đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004827 ngày 30/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Anh Đồng Bá D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Th Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã L, H. An D;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến